

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 06/02/2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Nhanh

Ông Nguyễn Hồng Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như-Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 189/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thùy T, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Kiên Thanh T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Cao Thị Thùy T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015, bà T2 với ông T1 kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời kỳ hôn nhân ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn vì tính tình vợ chồng không còn hòa hợp

với nhau, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông bà hiện nay đã ly thân. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T2 yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T2 tự trình bày không có con chung với ông T1 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T2 tự trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T2 tự trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Kiêm Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Kiêm Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T1.

[2]. Bà Cao Thị Thúy T2 yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Kiêm Thanh T1 có nơi cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật là ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Thúy T2 với ông Kiêm Thanh T1 vào năm 2016 kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và tại thời điểm kết hôn bà T2 và ông T1 không vi phạm điều cấm kết hôn.

Vì vậy, hôn nhân giữa bà T2 với ông T1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Hiện nay, do bà T2 và ông T1 tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên ông bà đã ly thân. Từ đó cho thấy, bà T2 với ông T1 đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc hàng ngày trong gia đình nên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T2 với ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn hay hòa giải được nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T2.

[4]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T2 với ông T1 không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T2 tự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, cũng như ông T1 cũng không có ý kiến hoặc làm đơn yêu cầu giải quyết về vấn đề chia tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Bà T2 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

[7]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng cũng như quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Thúy T2 được ly hôn với ông Kiên Thanh T1.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Cao Thị Thúy T2 phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006775 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên bà Cao Thị Thúy T2 đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn L, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

